TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7- QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 27/5/2026.
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hường
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Quang Ngọc và bà Trịnh Thị Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hữu Công - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 27/5/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 7 - Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 225/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025, về việc tranh chấp "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 08/4/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1975. Có mặt.
- *Bị đơn:* Ông Lê Đức T, sinh năm 1976. Vắng mặt.
Cùng địa chỉ: Thôn K, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.
-*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị L*: Chị Nguyễn Thị Phú D, sinh năm 1994 – Luật sư tại Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/12/2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

Bà Lê Thị L và ông Lê Đức T tự nguyện kết hôn và đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 09/12/2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi vã, không hòa hợp nhau. Vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Tình cảm vợ chồng đã hết, bà Lê

Thị L yêu cầu được ly hôn với ông Lê Đức T.

Về con chung: Con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động, nên không đề cập.

Về tài sản chung: Bà Lê Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị L thống nhất với yêu cầu của bà Lê Thị L.

Bị đơn ông Lê Đức T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không có ý kiến trả lời cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Thị L và cũng như vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật; Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Đức T không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án về việc tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L và ông Lê Đức T tự nguyện kết hôn và đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 09/12/2000, nên hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình đề nghị xử bà Lê Thị L được ly hôn Lê Đức T.

- Về con chung: Con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động, nên không đề cập.

-Về tài sản chung: Bà Lê Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tụng tố tụng:

Bà Lê Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Quảng Ngãi giải quyết ly hôn ông Lê Đức T có nơi cư trú tại thôn K, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Theo quy định khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Quảng Ngãi.

Bị đơn ông Lê Đức T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025), Toà án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị L và ông Lê Đức T tự nguyện kết hôn và đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 09/12/2000. Bà L và ông T đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm điều kiện kết hôn, do đó quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị L và ông Lê Đức T là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc. Theo bà L trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, nhiều lần xảy ra cãi vã, không hòa hợp nhau. Vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Bà Lê Thị L xác định không còn tình cảm với với ông Lê Đức T.

Tòa án đã tiến hành xác minh, chính quyền địa phương và các con của bà bà L, ông T cho biết vợ chồng bà Lê Thị L và ông Lê Đức T mâu thuẫn xảy ra từ lâu, dẫn đến không khí gia đình căng thẳng, không có hướng khắc phục. Hiện tại bà L và ông T không còn chung sống với nhau. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa vợ chồng bà Lê Thị L và ông Lê Đức T đã quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị L.

[2.2].Về con chung: Con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động, nên không đề cập.

[2.3].Về tài sản chung: Bà Lê Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

[3].Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị L.

-*Về hôn nhân:* Bà Lê Thị L được ly hôn với ông Lê Đức T.

2.Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)*, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Lê Thị L đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0002781 ngày 08/12/2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 - Quảng Ngãi. Bà Lê Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3.Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (27/5/2026), bà Lê Thị L có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày tình từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Khu Vực 7;
- P.THADS Khu Vực 7;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hường